

Số: 27/KH-UBND

Trà Vinh, ngày 06 tháng 4 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

Căn cứ Quyết định số 1331/QĐ-TTg ngày 24/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 1113/QĐ-BNV ngày 17/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 3114/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Chương trình phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện Quyết định số 3114/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Chương trình phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (gọi tắt là Quyết định số 3114/QĐ-UBND) thống nhất, đồng bộ và hiệu quả, gắn với thực hiện Kế hoạch số 70/KH-UBND ngày 14/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thi hành Luật Thanh niên năm 2020.

b) Xác định rõ trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp thực hiện Chương trình phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2022 - 2025 phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và thực tiễn phát triển thanh niên của tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chủ động triển khai thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này bảo đảm tính khả thi, phù hợp với điều kiện cụ thể của từng cơ quan, đơn vị.

b) Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân các cấp trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch này.

c) Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan nhà nước; giữa cơ quan nhà nước với các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch này.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Mục tiêu 1. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; cung cấp thông tin về tư vấn, hỗ trợ pháp lý cho thanh niên

a) Hằng năm, 100% thanh niên trong lực lượng vũ trang, thanh niên là cán bộ, công chức, viên chức được tuyên truyền, phổ biến, học tập nghị quyết của các cấp ủy Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Hằng năm, 100% thanh niên là học sinh, sinh viên, 80% thanh niên công nhân, 75% thanh niên nông thôn, thanh niên vùng đồng bào dân tộc thiểu số được trang bị kiến thức về quốc phòng và an ninh.

c) Đến năm 2025, trên 50% thanh niên được tuyên truyền, phổ biến, cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật thông qua các ứng dụng pháp luật trực tuyến, mạng xã hội, các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Mục tiêu 2. Giáo dục, nâng cao kiến thức, kỹ năng; tạo điều kiện để thanh niên bình đẳng về cơ hội học tập, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo

a) Hằng năm, 100% thanh niên là học sinh, sinh viên được giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kiến thức pháp luật, kỹ năng sống và kỹ năng mềm.

b) Đến năm 2025, 80% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ trung học phổ thông và tương đương; 70% thanh niên vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt trình độ trung học cơ sở.

c) Đến năm 2025, số thanh niên được ứng dụng, triển khai ý tưởng sáng tạo, công trình nghiên cứu khoa học phục vụ sản xuất và đời sống tăng 10%; số công trình khoa học và công nghệ do thanh niên chủ trì tăng 10%; số thanh niên làm việc trong các tổ chức khoa học, công nghệ tăng 10% (so với năm 2020).

d) Hằng năm, có ít nhất 20% thanh niên làm báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật là người dân tộc thiểu số và tham gia công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho thanh thiếu niên tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ phổ biến giáo dục pháp luật.

3. Mục tiêu 3. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề và tạo việc làm bền vững cho thanh niên; phát triển nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao

a) Hằng năm, 100% học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp được giáo dục hướng nghiệp, trang bị kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp trước khi tốt nghiệp; 100% sinh viên các trường đại học, cao đẳng được trang bị kiến thức về hội nhập quốc tế và chuyển đổi số.

b) Hằng năm, có 30% số ý tưởng, dự án khởi nghiệp của thanh niên là học sinh, sinh viên được kết nối với các doanh nghiệp, quỹ đầu tư mạo hiểm hoặc được hỗ trợ đầu tư từ nguồn kinh phí phù hợp.

c) Đến năm 2025, có trên 60% thanh niên được tư vấn hướng nghiệp và việc làm; 50% thanh niên được đào tạo nghề gắn với tạo việc làm, ưu tiên việc làm tại chỗ. Hằng năm, giải quyết việc làm cho ít nhất 10.000 thanh niên.

d) Đến năm 2025, tỷ lệ thanh niên thất nghiệp ở đô thị dưới 7%; tỷ lệ thanh niên thiếu việc làm ở nông thôn dưới 6%.

đ) Đến năm 2025, có trên 50% thanh niên là người khuyết tật, người nhiễm HIV, người sử dụng ma túy, thanh niên là nạn nhân của tội phạm buôn bán người, thanh niên vi phạm pháp luật được bồi dưỡng kỹ năng sống, lao động và hòa nhập cộng đồng. Phân đầu tạo việc làm ổn định cho 50% thanh niên vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; 10% thanh niên là người khuyết tật, người nhiễm HIV, người sau cai nghiện, sau cai tạo, thanh niên là người Việt Nam không có quốc tịch.

4. Mục tiêu 4. Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho thanh niên

a) Hằng năm, trên 70% thanh niên được trang bị kiến thức, kỹ năng rèn luyện thể chất, nâng cao sức khỏe; chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, sức khỏe tâm thần; dân số và phát triển; bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; bạo lực gia đình, bạo lực học đường, xâm hại tình dục; HIV/AIDS và các biện pháp phòng, chống HIV/AIDS (trong đó: Tỷ lệ thanh niên là học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục đạt 100%; tỷ lệ thanh niên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt trên 90%).

b) Hằng năm, trên 60% thanh niên được cung cấp thông tin và tiếp cận các dịch vụ thân thiện về tư vấn, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục; 90% cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; 100% nữ thanh niên được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, phòng tránh vô sinh và hỗ trợ sinh sản.

c) Hằng năm, 100% thanh niên là học sinh, sinh viên tham gia bảo hiểm y tế và được chăm sóc sức khỏe ban đầu; trên 90% thanh niên công nhân làm việc tại các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế được khám sức khỏe và chăm sóc y tế định kỳ.

5. Mục tiêu 5. Nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho thanh niên

a) Hằng năm, trên 80% thanh niên ở đô thị; 70% thanh niên ở nông thôn; 60% thanh niên vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, hoạt động sinh hoạt cộng đồng ở nơi học tập, làm việc và cư trú.

b) Đến năm 2025, có trên 40% thanh niên sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật số phục vụ mục đích giao tiếp, truyền thông, kinh doanh trên nền tảng kinh tế số.

6. Mục tiêu 6. Phát huy vai trò của thanh niên trong tham gia phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc

a) Hằng năm, 100% thanh niên trong độ tuổi quy định của pháp luật, có đủ năng lực hành vi dân sự sẵn sàng tham gia thực hiện nghĩa vụ quân sự và lực lượng dân quân tự vệ.

b) Đến năm 2025, phần đầu có ít nhất 15% thanh niên trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội được đưa vào quy hoạch lãnh đạo cấp sở, phòng và tương đương; 10% thanh niên trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo, quản lý.

c) Hằng năm, 100% tổ chức Đoàn thanh niên, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên các cấp và các tổ chức khác của thanh niên được thành lập theo quy định của pháp luật phát động phong trào và huy động thanh niên hưởng ứng, tham gia các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng, xã hội; phát triển kinh tế - xã hội; khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; bảo vệ môi trường; giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh quốc gia.

III. NỘI DUNG, GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung của Kế hoạch

a) Tổ chức phổ biến, quán triệt triển khai thực hiện Kế hoạch

Trong năm 2022 và những năm tiếp theo, tùy theo điều kiện thực tế, các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chủ động tổ chức phổ biến, quán triệt Chiến lược phát triển thanh niên của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên của Bộ Nội vụ, Chương trình phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 của tỉnh và Kế hoạch này (trực tiếp, trực tuyến hoặc lồng ghép các hội nghị phổ biến, quán triệt).

b) Tổ chức tuyên truyền Kế hoạch

Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng; mở chuyên trang, chuyên mục trên báo chí, đài phát thanh, truyền hình, công/trang thông tin điện tử,... về các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thanh niên và công tác thanh niên, các văn bản có liên quan đến việc tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược, Chương trình phát triển thanh niên và Kế hoạch này.

c) Đề nghị Tỉnh đoàn chủ trì, phối hợp với Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh và các tổ chức khác của thanh niên tổ chức tuyên truyền, phổ biến Chiến lược của Trung ương và Chương trình, kế hoạch của tỉnh cho thanh niên trong phạm vi quản lý.

2. Ban hành văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện Kế hoạch

Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện hoặc lồng ghép thực hiện Kế hoạch này; hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp xã trong quá trình triển khai thực hiện. Việc tổ chức thực hiện phải đảm bảo bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ của Kế hoạch, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, đặc thù của địa phương.

3. Tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch

a) Các sở, ban, ngành tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện Kế hoạch theo chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực và nhiệm vụ được phân công; phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện hoặc lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch trong triển khai thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo ngành, lĩnh vực trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện các chỉ tiêu phát triển thanh niên trên địa bàn theo hướng dẫn của các sở, ngành tỉnh có liên quan.

(Phụ lục đính kèm).

4. Theo dõi, kiểm tra, báo cáo đánh giá việc thực hiện kế hoạch

a) Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển thanh niên của các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý (ít nhất 1 lần/1 năm), làm cơ sở để xem xét điều chỉnh, bổ sung hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển thanh niên phù hợp với thực tiễn; đồng thời, là căn cứ để bình xét thi đua, khen thưởng, sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình phát triển thanh niên.

b) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch lồng ghép trong báo cáo quản lý nhà nước về thanh niên theo quy định.

5. Công tác sơ kết thực hiện Kế hoạch:

Sở Nội vụ hướng dẫn các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố công tác thi đua, khen thưởng theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ; tổ chức sơ kết giai đoạn 2022 - 2025 vào tháng 4 năm 2025.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch này trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Tổng hợp khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong quá trình thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ xem xét, giải quyết.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Triển khai thực hiện các nội dung tại Mục III Kế hoạch này bảo đảm tiến độ, thực hiện thống nhất các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch.

b) Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Chương trình, kế hoạch phát triển thanh niên của cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định.

c) Phân công cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý làm đầu mối chủ trì, tham mưu tổ chức thực hiện; đôn đốc, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch này.

3. Đề nghị Tỉnh đoàn chủ trì, phối hợp với Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh và các tổ chức có liên quan:

a) Triển khai thực hiện các nội dung tại Mục III Kế hoạch này.

b) Phối hợp với Sở Nội vụ và các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phản ánh về Sở Nội vụ để được hướng dẫn, giải quyết hoặc tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. / *TH*

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (Vụ CTTN);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- BLĐ.VP;
- Phòng HC-QT;
- Lưu: VT, KGVX. *ee*

KT. CHỦ TỊCH *u*
PHÓ CHỦ TỊCH
Thanh
Lê Thanh Bình

Phụ lục
TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CỦA KẾ HOẠCH THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN THANH NIÊN VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2022 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Kèm theo Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 06/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

STT	Mục tiêu/chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I.	Mục tiêu 1. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; cung cấp thông tin về tư vấn, hỗ trợ pháp lý cho thanh niên			
1.	Hằng năm, 100% thanh niên trong lực lượng vũ trang, thanh niên là cán bộ, công chức, viên chức được tuyên truyền, phổ biến, học tập nghị quyết của các cấp ủy Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan	
2.	Hằng năm, 100% thanh niên là học sinh, sinh viên, 80% thanh niên công nhân, 75% thanh niên nông thôn, thanh niên vùng đồng bào dân tộc thiểu số được trang bị kiến thức về quốc phòng và an ninh	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Công an tỉnh	Sở Nội vụ; Sở Tư pháp; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, tổ chức liên quan	Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao
3.	Đến năm 2025, có trên 50% thanh niên được tuyên truyền, phổ biến, cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật thông qua các ứng dụng pháp luật trực tuyến, mạng xã hội, các phương tiện thông tin đại chúng.	Sở Tư pháp	Sở Nội vụ; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Thông tin và Truyền thông; Ban Dân tộc tỉnh; Đài PTTH Trà Vinh; Báo Trà Vinh; Thông tấn xã; Tỉnh đoàn; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Phấn đấu đến năm 2030, trên 70% thanh niên được tuyên truyền, phổ biến... theo quy định của Chương trình phát triển thanh niên giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh
II.	Mục tiêu 2. Giáo dục, nâng cao kiến thức, kỹ năng; tạo điều kiện để thanh niên bình đẳng về cơ hội học tập, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo			
1.	Hằng năm, 100% thanh niên là học sinh, sinh viên được giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kiến thức pháp luật, kỹ năng sống và kỹ năng mềm	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ; Sở Tư pháp; Tỉnh đoàn; các trường đại học, cao đẳng	Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao
2.	Đến năm 2025, Có 80% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ trung học phổ thông và tương đương; 70% thanh niên vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt trình độ trung học cơ sở	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Ban Dân tộc tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	

3.	Đến năm 2025, số thanh niên được ứng dụng, triển khai ý tưởng sáng tạo, công trình nghiên cứu khoa học phục vụ sản xuất và đời sống tăng 10%; số công trình khoa học và công nghệ do thanh niên chủ trì tăng 10%; tăng 10% số thanh niên làm việc trong các tổ chức khoa học, công nghệ (so với năm 2020)	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nội vụ; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Tỉnh đoàn; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Đến năm 2030, tăng 15% số thanh niên được ứng dụng, triển khai ý tưởng sáng tạo, công trình nghiên cứu khoa học phục vụ sản xuất và đời sống; tăng 15% số công trình khoa học và công nghệ do thanh niên chủ trì; tăng 10% số thanh niên làm việc trong các tổ chức khoa học, công nghệ (so với năm 2020)
4.	Hàng năm, có ít nhất 20% thanh niên làm báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật là người dân tộc thiểu số và tham gia công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho thanh thiếu niên tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ phổ biến giáo dục pháp luật.	Sở Tư pháp	Sở Nội vụ; Ban Dân tộc tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	
III.	Mục tiêu 3. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề và tạo việc làm bền vững cho thanh niên; phát triển nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao			
1.	Hàng năm, 100% học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp được giáo dục hướng nghiệp, trang bị kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp trước khi tốt nghiệp; 100% sinh viên các trường đại học, cao đẳng được trang bị kiến thức về hội nhập quốc tế và chuyển đổi số	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ; Sở Thông tin và Truyền thông; Tỉnh đoàn; các trường đại học, cao đẳng	Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao
2.	Hàng năm, 30% số ý tưởng, dự án khởi nghiệp của thanh niên là học sinh, sinh viên được kết nối với các doanh nghiệp, quỹ đầu tư mạo hiểm hoặc được hỗ trợ đầu tư từ nguồn kinh phí phù hợp	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ; Tỉnh đoàn; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các trường đại học, cao đẳng	Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao

3.	Đến năm 2025, có trên 60% thanh niên được tư vấn hướng nghiệp và việc làm; 50% thanh niên được đào tạo nghề gắn với tạo việc làm, ưu tiên việc làm tại chỗ. Hằng năm, có ít nhất 10.000 thanh niên được giải quyết việc làm.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ; Tỉnh đoàn; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các trường đại học, cao đẳng	Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao
4.	Đến năm 2025, tỷ lệ thanh niên thất nghiệp ở đô thị dưới 7%; tỷ lệ thanh niên thiếu việc làm ở nông thôn dưới 6%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ; Tỉnh đoàn; UBND các huyện, thị xã, thành phố	
5.	Đến năm 2025, có trên 50% thanh niên là người khuyết tật, người nhiễm HIV, người sử dụng ma túy, thanh niên là nạn nhân của tội phạm buôn bán người, thanh niên vi phạm pháp luật được bồi dưỡng kỹ năng sống, lao động và hòa nhập cộng đồng. Phân đấu tạo việc làm ổn định cho trên 50% thanh niên vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; 10% thanh niên là người khuyết tật, người nhiễm HIV, người sau cai nghiện, sau cải tạo, thanh niên là người Việt Nam không có quốc tịch.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh; Sở Nội vụ; Ban Dân tộc; Tỉnh đoàn	
IV.	Mục tiêu 4. Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho thanh niên			
1.	Hằng năm, trên 70% thanh niên được trang bị kiến thức, kỹ năng rèn luyện thể chất, nâng cao sức khỏe; chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, sức khỏe tâm thần; dân số và phát triển; bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; bạo lực gia đình, bạo lực học đường, xâm hại tình dục; HIV/AIDS và các biện pháp phòng, chống HIV/AIDS (trong đó: Tỷ lệ thanh niên là học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục đạt 100%; tỷ lệ thanh niên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt trên 90%)	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Y tế; Sở Nội vụ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tỉnh đoàn; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, tổ chức liên quan	Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao
2.	Hằng năm, trên 60% thanh niên được cung cấp thông tin và tiếp cận các dịch vụ thân thiện về tư vấn, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục; 90% cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; 100% nữ thanh niên được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, phòng tránh vô sinh và hỗ trợ sinh sản	Sở Y tế	Sở Nội vụ; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Thông tin và Truyền thông; Tỉnh đoàn; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, tổ chức liên quan	

3.	Hàng năm, 100% thanh niên là học sinh, sinh viên tham gia bảo hiểm y tế và được chăm sóc sức khỏe ban đầu; trên 90% thanh niên công nhân làm việc tại các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế được khám sức khỏe và chăm sóc y tế định kỳ	Sở Y tế	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Nội vụ; Tỉnh đoàn; Liên đoàn Lao động tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, tổ chức liên quan	
V. Mục tiêu 5. Nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho thanh niên				
1.	Hàng năm, trên 80% thanh niên ở đô thị; 70% thanh niên ở nông thôn; 60% thanh niên vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, hoạt động sinh hoạt cộng đồng ở nơi học tập, làm việc và cư trú	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Nội vụ; Sở Thông tin và Truyền thông; Ban Dân tộc; Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh; Tỉnh đoàn; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, tổ chức liên quan	
2.	Đến năm 2025, có trên 40% thanh niên sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật số phục vụ mục đích giao tiếp, truyền thông, kinh doanh trên nền tảng kinh tế số	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Công an tỉnh; Sở Nội vụ; Tỉnh đoàn; UBND các huyện, thị xã, thành phố các cơ quan, tổ chức liên quan	
VI. Mục tiêu 6. Phát huy vai trò của thanh niên trong tham gia phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc				
1.	Hàng năm, 100% thanh niên trong độ tuổi quy định của pháp luật, có đủ năng lực hành vi dân sự sẵn sàng tham gia thực hiện nghĩa vụ quân sự và lực lượng dân quân tự vệ	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Sở Nội vụ; Sở Y tế; Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện, thị xã, thành phố	
2.	Đến năm 2025, phần đầu có ít nhất 15% thanh niên trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội được đưa vào quy hoạch lãnh đạo cấp sở, phòng và tương đương; 10% thanh niên trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo, quản lý	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan	

3.	<p>Hàng năm, 100% tổ chức Đoàn thanh niên, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên các cấp và các tổ chức khác của thanh niên được thành lập theo quy định của pháp luật phát động phong trào và huy động thanh niên hưởng ứng, tham gia các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng, xã hội; phát triển kinh tế - xã hội; khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; bảo vệ môi trường; giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh quốc gia</p>	<p>Tinh đoàn</p>	<p>Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh; Sở Nội vụ; Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thị xã, thành phố</p>	
----	---	------------------	---	--